

Đồng Nai, ngày 06 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Luật Đất đai ngày 01 tháng 02 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 59/BB-VPHC do Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường lập ngày 15 tháng 5 năm 2025 đối với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 183/TT ngày 16 tháng 5 năm 2025, Văn bản giải trình số 169/CV-DNC ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và vật liệu Đồng Nai và Văn bản số 4318/SNNMT-TT ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên dưới đây

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai

Địa chỉ trụ sở chính: Số 138 Nguyễn Ái Quốc, Phường Trảng Dài, thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.

Mã số doanh nghiệp: 3600259352

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Số 3600259352 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 16 tháng 12 năm 2024.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Anh Điền; Giới tính: Nam.

Chức danh: Tổng Giám đốc.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính

a) Hành vi 1: Sử dụng đất trồng lúa sang loại đất khác mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép trong trường hợp chuyển đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) thuộc địa giới hành chính của phường đối với diện tích đất từ 0,05 héc ta đến dưới 0,1 héc ta, cụ thể: chuyển đất trồng lúa diện tích 0,08265 héc ta (826,50 m²) thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ địa chính số 79, phường Phước Tân sang đất phi nông nghiệp (đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản). Thời điểm vi phạm từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

b) Hành vi 2: Sử dụng đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất lâm nghiệp sang đất phi nông nghiệp mà không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép trong trường hợp chuyển đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, không phải là đất lâm nghiệp sang đất phi nông nghiệp (không phải đất ở) thuộc địa giới hành chính của phường đối với diện tích đất từ 02 héc ta trở lên, cụ thể: Chuyển đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, tổng diện tích 4,37233 héc ta (43.723,3 m²) sang đất phi nông nghiệp (đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản). Các thửa đất vi phạm theo Phụ lục 1.

c) Hành vi 3: Chiếm đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước đã quản lý, được thể hiện trong hồ sơ địa chính thuộc địa giới hành chính của phường đối với diện tích từ 0,1 ha đến dưới 0,5 ha, cụ thể: Chiếm đất giao thông do UBND phường Phước Tân quản lý để sử dụng vào mục đích đất phi nông nghiệp (đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản), diện tích 0,16699 héc ta (1.699,90 m²) thuộc các thửa đất số 122, 123 tờ bản đồ địa chính số 63 và thửa đất số 55 tờ bản đồ địa chính số 62 phường Phước Tân. Thời điểm vi phạm từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 (đối với thửa đất số 122 tờ bản đồ địa chính số 63); từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 (đối với thửa đất số 55 tờ bản đồ địa chính số 62) và từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 (đối với thửa đất số 123 tờ bản đồ địa chính số 63).

3. Quy định tại

a) Hành vi 1: điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 8 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

b) Hành vi 2: điểm e khoản 1, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

c) Hành vi 3: điểm d khoản 1, khoản 6 Điều 13 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai đã tự nguyện khai báo, chủ động kê khai để tạm nộp tiền thuê đất phần diện tích vi phạm; đồng thời đã nộp hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; chủ động rà soát xác định thời điểm vi phạm, tích cực phối hợp với Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc xử lý vi phạm đối với 03 hành vi nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: phạt tiền

Tổng mức phạt: **585.000.000** đồng (*Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng*), cụ thể: Hành vi 1: 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*); Hành vi 2: 450.000.000 đồng (*bốn trăm năm mươi triệu đồng*); Hành vi 3: 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*);

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không.

c) Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm đối với hành vi 1, 2, 3 với số tiền là **11.167.109.341** đồng (*Mười một tỷ, một trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm linh chín nghìn, ba trăm bốn mươi một đồng*).

- Không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả “buộc khôi phục tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm” theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 8, điểm a khoản 4 Điều 10 và điểm a khoản 8 Điều 13 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ.

Lý do:

(1) Mỏ Tân Cang 5 của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai nằm trong cụm 10 mỏ đá Tân Cang đang chịu trách nhiệm cung cấp vật liệu xây dựng phục vụ thi công các dự án trọng điểm quốc gia phía Nam và của tỉnh Đồng Nai theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc tình thế cấp thiết phải đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu san lấp cho các dự án trọng điểm Quốc gia (vì lợi ích nhà nước) theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

(2) Việc buộc Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm là không thực hiện được trong thực tiễn và không đảm bảo tính khả thi theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 4 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính do: hiện nay trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và khu vực phía Nam đang triển



khai nhiều dự án lớn, dự án trọng điểm quốc gia, nhu cầu vật liệu san lấp cho các dự án này rất lớn nhưng nguồn cung cấp không đảm bảo dẫn đến Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc tìm nguồn khoáng sản phù hợp để thực hiện biện pháp khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất.

(3) Mỏ Tân Cang 5 của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai phù hợp quy hoạch sử dụng đất khai thác khoáng sản, đã được thuê đất với phần diện tích 15,2 ha trong ranh khu vực cấp giấy phép khai thác khoáng sản; đã thực hiện lập các thủ tục xin thuê đất, đã tạm nộp tiền thuê đất vào ngân sách Nhà nước đối với phần diện tích đất vi phạm; đã được UBND tỉnh Đồng Nai cấp phép khai thác khoáng sản số 2984/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2009 (điều chỉnh tại Quyết định số 1184/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2019 với thời hạn khai thác đến năm 2032), đã thực hiện việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định nên chưa gây ra hậu quả theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 4 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xử lý vi phạm hành chính. Đồng thời, nếu sau khi hoàn thành việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất mà chủ đầu tư hoàn thành xong thủ tục về đất đai lại tiến hành khai thác lại thì sẽ gây lãng phí về tài sản cho chủ đầu tư.

(4) Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai có Văn bản số 3948/UBND-KTN ngày 10 tháng 4 năm 2025 gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường xin ý kiến nếu áp dụng xử lý hành vi vi phạm hành chính theo Điều 10 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận cho các doanh nghiệp đang hoàn thiện thủ tục thuê đất không phải thực hiện khôi phục lại hiện trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm để tiếp tục thuê đất khai thác mỏ do thực tế khó có thể thực hiện, không bảo đảm tính khả thi.

(5) Bộ Nông nghiệp và Môi trường có Tờ trình số 20/TTr-BNNMT ngày 03 tháng 4 năm 2025 trình Chính phủ chấp thuận “Đối với các mỏ đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại tỉnh Đồng Nai đã hoàn thành thỏa thuận bồi thường giải phóng mặt bằng với các hộ dân có đất nhưng chưa hoàn thành thủ tục thuê đất đai để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản được tiếp tục hoạt động để cung cấp vật liệu xây dựng phục vụ các Dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành Giao thông vận tải”.

Thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là 90 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai phải nộp số lợi bất hợp pháp nêu trên theo thông tin nộp ngân sách nhà nước tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai chi trả.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông Trần Anh Điền là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai để chấp hành.

Tổ chức có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai không chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật và cứ mỗi ngày chậm nộp tiền phạt thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp thêm 0,05% tính trên tổng số tiền phạt chưa nộp.

a) Tổ chức bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền phạt tại Phòng giao dịch số 13 thuộc Kho bạc Nhà nước Khu vực XV hoặc nộp tiền phạt vào các ngân hàng thương mại nơi Kho bạc Nhà nước Khu vực XV mở tài khoản theo thông tin nộp ngân sách nhà nước như sau: Tài khoản thu NSNN số 7111.2.1046159; Mã cơ quan ra quyết định xử phạt: H19; chương 405, tiểu mục 4261, trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này (*Gửi chứng từ nộp phạt về Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi*).

b) Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai có quyền khiếu nại, khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi Kho bạc Nhà nước khu vực XV để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai và theo dõi việc chấp hành của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai. Trường hợp Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai không tự nguyện chấp hành Quyết định xử phạt hành chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan lập thủ tục liên quan đến việc cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt hành chính đối với Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai theo đúng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính hiện hành.

4. Gửi cho Sở Tài chính để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, KTN.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Hoàng

Quyết định đã giao trực tiếp cho người đại diện của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Vật liệu Đồng Nai vào hồi.... giờ phút, ngày/...../.....

NGƯỜI NHẬN QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ và tên)

